

ỦY BAN NHÂN DÂN
XÃ TU MƠ RÔNG

8.2026-KTU-TMR

BẢNG GIÁ THỊ TRƯỜNG THÁNG 8 NĂM 2026

(Kèm theo Công văn số /UBND-TCCT, ngày tháng 8 năm 2026 của UBND xã Tu Mơ Rông)

TT	Mã hàng hoá	Tên hàng hoá, dịch vụ	Đặc điểm kinh tế, kỹ thuật, quy cách	ĐVT	Giá phổ biến kỳ báo cáo	Giá bình quân kỳ trước	Giá bình quân kỳ này	Mức tăng (giảm) giá bình quân	Tỷ lệ tăng (giảm) giá bình quân (%)	Nguồn thông tin	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)=8-7	(10)=(9/7	(11)	(12)
I	1	CÂY LƯƠNG THỰC									
1	01.001	Thóc tẻ	Theo định mức đặc điểm kinh tế kỹ thuật của hàng hoá, dịch vụ thực hiện kê khai giá thuộc thẩm quyền ban hành của cấp Bộ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh theo quy định của pháp luật	đ/kg	Giá bán lẻ	7.100	7.100	-	-	Theo khảo sát giá thị trường trên địa bàn xã	
2	01.002	Gạo tẻ		đ/kg	Giá bán lẻ	15.500	15.500	-	-		
3	01.003	Thịt lợn hơi (thịt heo hơi)		đ/kg	Giá bán lẻ	67.000	67.000	-	-		
4	01.004	Thịt nạc thăn (thịt heo nạc thăn)		đ/kg	Giá bán lẻ	145.000	145.000	-	-		
5	01.005	Thịt bò thăn		đ/kg	Giá bán lẻ	240.000	240.000	-	-		
6	01.006	Thịt bò bắp		đ/kg	Giá bán lẻ	225.000	225.000	-	-		
7	01.007	Gà ta		đ/kg	Giá bán lẻ	140.000	140.000	-	-		
8	01.008	Gà công nghiệp		đ/kg	Giá bán lẻ	160.000	160.000	-	-		
9	01.009	Cá quả (cá lóc)		đ/kg	Giá bán lẻ	83.000	83.000	-	-		
10	01.010	Cá chép		đ/kg	Giá bán lẻ	75.000	75.000	-	-		

[illegible]